

Họ và tên học sinh:Số báo danh:Lớp:

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

**BẢO KÍNH CẢNH GIỚI
(Bài 21)**

Ở bầu thì đáng ắt nên tròn,
Xấu tốt đều thì rắp khuôn.
Lân cận nhà giàu no bữa cám,(1)
Bạn bè kẻ trộm phải đau đòn.(2)
Chơi cùng đũa đại nên bày đại,
Kết mấy người khôn học nét khôn.
Ở đáng thấp thì nên đáng thấp,
Đen gần mực, đỏ gần son.

(Nguyễn Trãi toàn tập, Đào Duy Anh, NXB Khoa học xã hội, 1976, tr. 445)

Chú thích: (1) và (2): Hai câu này là do câu tục ngữ “ở gần nhà giàu đau răng ăn cơm, ở gần kẻ trộm ốm lưng chịu đòn”. Chữ “đau răng ăn cơm” là đúng chữ câu tục ngữ. Nhưng kẻ ở gần nhà giàu mà được ăn cơm nhiều thì cũng lạ. Chúng tôi cho rằng chính là cám nói chệch đi cho hợp với vần trộm ở câu dưới mà thành cơm... mà ở gần nhà giàu được no bữa cám thì nghĩa mới thông.

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn bát cú Đường luật
- B. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật
- C. Thất ngôn xen lục ngôn
- D. Song thất lục bát

Câu 2. Chủ đề của bài thơ là gì?

- A. Triết lí nhân sinh
- B. Nhân tình thế thái
- C. Lòng yêu nước
- D. Tình yêu thiên nhiên

Câu 3. Trong bài thơ, phép đối xuất hiện ở những cặp câu nào?

- A. 1 - 2, 3 - 4.
- B. 3 - 4, 5 - 6.
- C. 5 - 6, 7 - 8.
- D. 1 - 2, 7 - 8.

Câu 4. Cặp từ trái nghĩa nào xuất hiện trong bài thơ?

- A. Xấu – tốt, đại – khôn, đen – đỏ.
- B. Xấu – tốt, đại – khôn, tròn – dài.
- C. Đại – khôn, đen – đỏ, mực - son
- D. Đại – khôn, đen – đỏ, cao – thấp

Câu 5. Câu thơ “*Ở bầu thì dáng ắt nên tròn*” gợi cho liên tưởng đến câu tục ngữ nào?

- A. Gân mực thì đen, gân đèn thì rạng
- B. Ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác
- C. Xỏ lời trời cho, so đo trời lấy
- D. Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài

Câu 6. Nêu ý nghĩa của hai câu thơ sau: “*Đen gân mực, đỏ gân son.*”?

- A. Môi trường sống hình thành nên nhân cách.
- B. Môi trường sống có ảnh hưởng lớn đến nhân cách.
- C. Môi trường sống không ảnh hưởng đến nhân cách.
- D. Môi trường sống tạo nên con người tốt đẹp

Câu 7. Nêu nội dung của hai câu thơ sau: “*Chơi cùng đứa đại nên bầy đại/ Kết mấy người khôn học nét khôn.*”

- A. Phải biết chọn bạn. Thời đi học, thời trẻ cần biết chọn bạn. Chơi với bạn xấu rất nguy hiểm, không chóng thì chầy sẽ sa ngã hư hỏng.
- B. *Đứa đại* là đứa lừa thầy phản bạn, là đứa xấu. Người khôn là người thông minh. Phải biết chọn bạn mà chơi.
- C. Kết bạn với kẻ xấu dễ dàng lây nhiễm thói hư tật xấu, kết bạn với người khôn là người thông minh, có đạo đức tốt thì ta sẽ học được “*nét khôn*” để làm người
- D. Kết bạn với người khôn là người thông minh, có đạo đức tốt thì ta sẽ học được “*nét khôn*” để làm người, để trở thành con ngoan, trò giỏi.

Trả lời câu hỏi sau:

Câu 8. Chỉ ra 1 câu tục ngữ và nêu tác dụng của việc sử dụng tục ngữ trong bài thơ.

Câu 9. Qua bài thơ, nhà thơ muốn “răn mình” điều gì? (*Trình bày từ 5-7 dòng*).

Câu 10. Bài học cho bản thân mà anh/chị rút ra từ việc đọc hiểu bài thơ “*Bảo kính cảnh giới*” (XXI) của Nguyễn Trãi? (*Trình bày ngắn gọn 3-5 dòng*)

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc cần thay đổi bản thân.

- HẾT -

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Họ và tên học sinh:Số báo danh:Lớp:

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

BẢO KÍNH CẢNH GIỚI

(Bài 21)

Ở bầu thì dáng ắt nên tròn,
Xấu tốt đều thì rắp khuôn.
Lân cận nhà giàu no bữa cám,(1)
Bạn bè kẻ trộm phải đau đòn.(2)
Chơi cùng đũa đại nên bày đại,
Kết mấy người khôn học nét khôn.
Ở đáng thấp thì nên đáng thấp,
Đen gần mực, đỏ gần son.

(Nguyễn Trãi toàn tập, Đào Duy Anh, NXB Khoa học xã hội, 1976, tr. 445)

Chú thích: (1) và (2): Hai câu này là do câu tục ngữ “ở gần nhà giàu đau răng ăn cám, ở gần kẻ trộm ốm lưng chịu đòn”. Chữ “đau răng ăn cám” là đúng chữ câu tục ngữ. Nhưng kẻ ở gần nhà giàu mà được ăn cám nhiều thì cũng lạ. Chúng tôi cho rằng chính là cám nói chệch đi cho hợp với vần trộm ở câu dưới mà thành cám... mà ở gần nhà giàu được no bữa cám thì nghĩa mới thông.

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn xen lục ngôn
- B. Song thất lục bát
- C. Thất ngôn bát cú Đường luật
- D. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

Câu 2. Chủ đề của bài thơ là gì?

- A. Nhân tình thế thái
- B. Tình yêu thiên nhiên
- C. Triết lí nhân sinh
- D. Lòng yêu nước

Câu 3. Trong bài thơ, phép đối xuất hiện ở những cặp câu nào?

- A. 1 – 2, 7 – 8.
- B. 5 – 6, 7 – 8.
- C. 1 – 2, 3 – 4.
- D. 3 – 4, 5 – 6.

Câu 4. Cặp từ trái nghĩa nào xuất hiện trong bài thơ?

- A. Dại – khôn, đen – đỏ, mực - son
- B. Xấu – tốt, dại – khôn, tròn – dài.
- C. Xấu – tốt, dại – khôn, đen – đỏ
- D. Dại – khôn, đen – đỏ, cao – thấp

Câu 5. Câu thơ “*Ở bầu thì dáng ắt nên tròn*” gợi cho liên tưởng đến câu tục ngữ nào?

- A. Gân mực thì đen, gân đèn thì rạng
- B. Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài
- C. Xỏi lời trời cho, so đo trời lấy
- D. Ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác

Câu 6. Nêu ý nghĩa của hai câu thơ sau: “*Đen gần mực, đỏ gần son.*”?

- A. Môi trường sống tạo nên con người tốt đẹp
- B. Môi trường sống có ảnh hưởng lớn đến nhân cách.
- C. Môi trường sống hình thành nên nhân cách.
- D. Môi trường sống không ảnh hưởng đến nhân cách.

Câu 7. Nêu nội dung của hai câu thơ sau: “*Chơi cùng đứa dại nên bầy dại/ Kết mấy người khôn học nét khôn.*”

- A. Kết bạn với kẻ xấu dễ dàng lây nhiễm thói hư tật xấu, kết bạn với người khôn là người thông minh, có đạo đức tốt thì ta sẽ học được “*nét khôn*” để làm người
- B. Phải biết chọn bạn. Thời đi học, thời trẻ cần biết chọn bạn. Chơi với bạn xấu rất nguy hiểm, không chóng thì chầy sẽ sa ngã hư hỏng.
- C. Kết bạn với người khôn là người thông minh, có đạo đức tốt thì ta sẽ học được “*nét khôn*” để làm người, để trở thành con ngoan, trò giỏi.
- D. *Đứa dại* là đứa lừa thầy phản bạn, là đứa xấu. Người khôn là người thông minh. Phải biết chọn bạn mà chơi.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Chỉ ra 1 câu tục ngữ và nêu tác dụng của việc sử dụng tục ngữ trong bài thơ.

Câu 9. Qua bài thơ, nhà thơ muốn “*răn mình*” điều gì? (*Trình bày từ 5-7 dòng*).

Câu 10. Bài học cho bản thân mà anh/chị rút ra từ việc đọc hiểu bài thơ “*Bảo kính cảnh giới*” (XXI) của Nguyễn Trãi? (*Trình bày ngắn gọn 3- 5 dòng*)

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc cần thay đổi bản thân.

- HẾT -

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

MÃ ĐỀ: 01

HƯỚNG DẪN CHẤM (Hướng dẫn chấm này gồm 3 trang)

A. Hướng dẫn chung - Giám khảo cần nắm bắt được nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá một cách tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Cần chủ động và linh hoạt khi vận dụng Hướng dẫn chấm này.

- Trân trọng những bài viết có cách nhìn riêng, cách trình bày riêng.
- Điểm lẻ tính đến 0,25; điểm toàn bài làm tròn theo qui định.

B. Hướng dẫn cụ thể

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0.5
	2	A	0.5
	3	B	0.5
	4	A	0.5
	5	D	0.5
	6	A	0.5
	7	C	0.5
	8	- Học sinh chỉ ra được một trong các câu tục ngữ sau: + Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài + Gàn mực thì đen, gàn đèn thì sáng + Ở gần nhà giàu đau răng ăn cơm - Ở gần kẻ trộm ốm lưng chịu đòn - Tác dụng của việc sử dụng tục ngữ: + Việc vận dụng tục ngữ khiến lời thơ thêm sâu sắc, hàm súc, tự nhiên. Bài học đưa ra gần gũi, dễ hiểu với mọi người. <i>Lưu ý: HS chỉ ra 1 câu tục ngữ: 0,25. Nêu được tác dụng 0,25</i>	0.5
	9	HS trả lời theo quan điểm của cá nhân, viết câu trả lời đúng dung lượng. Gợi ý: Qua bài thơ, nhà thơ muốn nhắn nhủ chúng ta nên thích nghi linh hoạt với hoàn cảnh sống, cần lựa chọn môi trường, hoàn cảnh sống phù hợp với bản thân mình và lựa chọn tiếp xúc những gì thực sự tốt cho mình. (Giám khảo linh hoạt khi chấm câu này)	1,0
	10	HS trả lời theo quan điểm riêng và có lí giải phù hợp, có sức thuyết phục cao. Viết câu trả lời đúng dung lượng. Gợi ý: Cần lựa chọn môi trường, hoàn cảnh sống sao cho thực sự tốt với mình, và luôn cố gắng thích ứng với hoàn cảnh linh hoạt để phát triển tốt nhất. (Giám khảo linh hoạt khi chấm câu này)	1,0
II		VIẾT	4,0

	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội</i>	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.</i> Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc cần thay đổi chính mình.	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Hs có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: – Đảm bảo hình thức, cấu trúc của bài văn nghị luận. – Xác định đúng vấn đề: ý nghĩa của việc cần thay đổi bản thân 1. Mở bài - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của sự thay đổi bản thân. 2. Thân bài a. Giải thích Thay đổi bản thân: không ngừng học hỏi, cải thiện để bản thân mình tiến bộ hơn, hoàn thiện hơn từng ngày. Ý nghĩa: khuyên nhủ con người thay đổi bản thân theo chiều hướng tích cực để trở nên có ích hơn cho xã hội và hoàn thiện chính mình hơn. b. Phân tích - Biểu hiện của thay đổi bản thân: Không ngừng nỗ lực học tập, tích lũy, tiếp thu kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau. Biết nhìn nhận vào những lỗi sai của mình, từ đó rút ra bài học và khắc phục. Có ý thức vươn lên trong cuộc sống, sống có đam mê và cố gắng theo đuổi đam mê đó. - Ý nghĩa của việc thay đổi bản thân: - Làm cho bản thân mình ngày càng tốt hơn, mở mang tầm hiểu biết. - Khắc phục được những khuyết điểm của bản thân mình từ đó được mọi người tín nhiệm, tin tưởng. Người biết hoàn thiện bản thân sẽ tiến bộ từng ngày và nhận được tình yêu thương từ mọi người. c. Chứng minh - Học sinh tự lấy dẫn chứng minh họa cho bài làm văn của mình. - Lưu ý: Dẫn chứng phải tiêu biểu, xác thực và được nhiều người biết đến. d. Phản biện - Trong xã hội vẫn còn có nhiều người sống an phận, nghe theo sự sắp đặt của người khác hoặc quá lười biếng, không có ý thức vươn lên để hoàn thiện bản thân mình,... những người này đáng bị xã hội thẳng thắn phê phán. 3. Kết bài - Khái quát lại vấn đề nghị luận: ý nghĩa của sự thay đổi bản thân; đồng thời rút ra bài học và liên hệ bản thân. – <i>Diễn đạt rõ ràng, dùng từ đặt câu đúng nghĩa, đúng ngữ pháp, đúng</i>	2.5

		<i>chính tả.</i> – <i>Có những sáng tạo về ý tưởng hoặc có sự độc đáo về diễn đạt.</i>	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
Tổng điểm			10.0

MÃ ĐỀ: 02

HƯỚNG DẪN CHẤM (Hướng dẫn chấm này gồm 3 trang)

A. Hướng dẫn chung - Giám khảo cần nắm bắt được nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá một cách tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Cần chủ động và linh hoạt khi vận dụng Hướng dẫn chấm này.

- Trân trọng những bài viết có cách nhìn riêng, cách trình bày riêng.

- Điểm lẻ tính đến 0,25; điểm toàn bài làm tròn theo qui định.

B. Hướng dẫn cụ thể

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0.5
	2	C	0.5
	3	D	0.5
	4	C	0.5
	5	B	0.5
	6	C	0.5
	7	A	0.5
	8	- Chỉ ra 2 câu tục ngữ được sử dụng trong bài thơ: + <i>Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài</i> + <i>Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng</i> + <i>Ở gần nhà giàu đau răng ăn cốm - Ở gần kẻ trộm ốm lưng chịu đòn</i> - Tác dụng của việc sử dụng tục ngữ: + Việc vận dụng tục ngữ khiến lời thơ thêm sâu sắc, hàm súc, tự nhiên. Bài học đưa ra gần gũi, dễ hiểu với mọi người. <i>Lưu ý: HS nêu được 1 câu tục ngữ là được 0,25đ. Nêu tác dụng được 1 trong 2 ý cũng được 0,25 đ</i>	0.5
	9	HS trả lời theo quan điểm của cá nhân, viết câu trả lời đúng dung lượng. Gợi ý: Qua bài thơ, nhà thơ muốn nhắn nhủ chúng ta nên thích nghi linh hoạt với hoàn cảnh sống, cần lựa chọn môi trường, hoàn cảnh sống phù hợp với bản thân mình và lựa chọn tiếp xúc những gì thực sự tốt cho mình. (Giám khảo linh hoạt khi chấm câu này)	1,0
	10	HS trả lời theo quan điểm riêng và có lí giải phù hợp, có sức thuyết phục cao. Viết câu trả lời đúng dung lượng. Gợi ý: Cần lựa chọn môi trường, hoàn cảnh sống sao cho thực sự tốt với mình, và	1,0

		luôn cố gắng thích ứng với hoàn cảnh linh hoạt để phát triển tốt nhất. (<i>Giám khảo linh hoạt khi chấm câu này</i>)	
II		VIẾT	4,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội</i>	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận.</i> Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc thay đổi chính mình.	0,5
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Hs có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: – Đảm bảo hình thức, cấu trúc của bài văn nghị luận. – Xác định đúng vấn đề: ý nghĩa của việc cần thay đổi chính mình. 1. Mở bài - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của sự thay đổi bản thân. 2. Thân bài a. Giải thích Thay đổi bản thân: không ngừng học hỏi, cải thiện để bản thân mình tiến bộ hơn, hoàn thiện hơn từng ngày. Ý nghĩa: khuyên nhủ con người thay đổi bản thân theo chiều hướng tích cực để trở nên có ích hơn cho xã hội và hoàn thiện chính mình hơn. b. Phân tích - Biểu hiện của thay đổi bản thân: Không ngừng nỗ lực học tập, tích lũy, tiếp thu kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau. Biết nhìn nhận vào những lỗi sai của mình, từ đó rút ra bài học và khắc phục. Có ý thức vươn lên trong cuộc sống, sống có đam mê và cố gắng theo đuổi đam mê đó. - Ý nghĩa của việc thay đổi bản thân: - Làm cho bản thân mình ngày càng tốt hơn, mở mang tầm hiểu biết. - Khắc phục được những khuyết điểm của bản thân mình từ đó được mọi người tín nhiệm, tin tưởng. Người biết hoàn thiện bản thân sẽ tiến bộ từng ngày và nhận được tình yêu thương từ mọi người. c. Chứng minh - Học sinh tự lấy dẫn chứng minh họa cho bài làm văn của mình. - Lưu ý: Dẫn chứng phải tiêu biểu, xác thực và được nhiều người biết đến. d. Phản biện - Trong xã hội vẫn còn có nhiều người sống an phận, nghe theo sự sắp đặt của người khác hoặc quá lười biếng, không có ý thức vươn lên để hoàn thiện bản thân mình,... những người này đáng bị xã hội thẳng thắn phê phán. 3. Kết bài	2.5

	- Khái quát lại vấn đề nghị luận: ý nghĩa của sự thay đổi bản thân; đồng thời rút ra bài học và liên hệ bản thân. – <i>Diễn đạt rõ ràng, dùng từ đặt câu đúng nghĩa, đúng ngữ pháp, đúng chính tả.</i> – <i>Có những sáng tạo về ý tưởng hoặc có sự độc đáo về diễn đạt.</i>	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
Tổng điểm		10.0

